

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI ĐỐI VỚI
86 HỒ SƠ KHU NHÀ Ở CAO TẦNG TÂN KIẾNG QUẬN 7 (NAY LÀ
PHƯỜNG TÂN HƯNG) THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: Thuế cơ sở 7 Thành phố Hồ Chí Minh.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI (theo danh sách đính kèm 86 hồ sơ)

1.1. Mã hồ sơ: Biên nhận số 1199, 1241, 1243, 1246, 12671, 12696, 12697, 12703, 12705, 12709, 12711, 12714 – 12717, 12719, 12723, 12725, 12730, 12738, 12850, 12854, 12858, 12859, 12861, 12862, 12864 – 12868, 12872, 12875, 12879, 12882, 12887, 12888, 15642, 15644, 15645, 15648, 15649, 15652, 15654 – 15656, 15660, 15663, 15664, 15666, 15668, 15674, 15676, 15677, 15680, 15681, 15688, 15689, 21692, 21699 – 21701, 21704, 21706, 21708, 21711, 21724, 21725, 23178, 23179, 23188, 23190, 23196 – 23198, 23200 – 23202, 23204, 23205, 23207, 23210, 23214, 23215, 23222, 21720)

1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT: (theo danh sách đính kèm 86 hồ sơ)

2.1. Tên:

2.2. Địa chỉ:.....

2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):.....

2.4. Mã số thuế (nếu có):.....

2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân:
Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp:.....

2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.

III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

3.1. Thông tin về đất:

3.1.1. Thửa đất số: 266; Tờ bản đồ số: 19;

3.1.2. Địa chỉ tại: Dự án Khu nhà ở cao tầng Tân Kiểng, 35/12 Bế Văn Cầm, phường Tân Kiểng, Quận 7 (nay là phường Tân Hưng) Thành phố Hồ Chí Minh;

3.1.3. Giá đất: 56.700.000 đồng/m² (đường Bế Văn Cầm/trộn đường; Vị trí 1).

- Giá đất theo bảng giá (đối với trường hợp áp dụng giá đất theo bảng giá):.....m².

- Giá đất cụ thể:.....m².

- Giá trúng đấu giá:.....m².

- Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:.....

3.1.4 Diện tích thửa đất: 3.707,0 m²

- Diện tích sử dụng chung: 3.707,0 m² - Diện tích sử dụng riêng:m² - Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m² - Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m² - Diện tích đất trong hạn mức:.....m² - Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m²
3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:.....
3.1.6. Mục đích sử dụng đất: đất ở đô thị
3.1.7. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài
3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....;
3.1.9. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT67829 ngày 16 tháng 11 năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp.
3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: (theo danh sách đính kèm 86 hồ sơ) 3.2.1. Loại nhà ở, công trình; cấp hạng nhà ở, công trình: -/- ; 3.2.2. Diện tích sử dụng: m ² ; 3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: m ² ; 3.2.4. Hình thức sở hữu: sở hữu chung; 3.2.5. Số tầng: 24 tầng + 01 hầm + sân thượng + mái che thang; 3.2.6. Nguồn gốc: -/- 3.2.7. Năm hoàn thành xây dựng: 2017; 3.2.8. Thời hạn sở hữu đến: -/- năm. Kết cấu: Tường gạch, cột BTCT, sàn BTCT, mái BTCT.
IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH
- Tiền sử dụng đất:..... - Lệ phí trước bạ:.....
V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP Đính kèm danh sách hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm: - Đơn Đăng ký; - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT67829 ngày 16 tháng 11 năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp; - Hợp đồng mua bán, các phụ lục hợp đồng và các văn bản chuyển nhượng (nếu có) giữa chủ đầu tư và người mua. - Bản vẽ sơ đồ căn hộ. Ghi chú: Công ty Cổ phần Đầu tư Truth Home và người mua cung cấp thêm các chứng từ liên quan (nếu có) để Thuế cơ sở 7 Thành phố Hồ Chí Minh xác định nghĩa vụ tài chính cho các bên theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Sở NN&MT (để b/c);
- Trung tâm CNTT (để đăng tin);
- Công ty CP ĐT Truth Home;
- Người mua nhà theo danh sách;
- Lưu: VT, ĐK.Đ.

BN:1199/21(86hs)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Thân Thế Hùng

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH 86 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
KHU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ - VĂN PHÒNG KHU NHÀ Ở CAO TẦNG TẠI PHƯỜNG TÂN HƯNG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Đính kèm Phiếu chuyển số:503.../PC-VPĐK-ĐK ngày 16 / 05 / 2025
của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố

STT	Số biên nhận	Họ tên chủ sở hữu	Địa chỉ căn hộ theo hợp đồng mua bán	Địa chỉ căn hộ cấp theo quyết định cấp Sổ nhà	Tháp	Tầng/Hầm	Tầng	DT thủy (làm tròn 1 số thập phân)	DT sàn (tính tường) (làm tròn 1 số thập phân)	Loại hình tài sản	Hình thức sử dụng	Ngày nộp
1	001199	Ông TỬ THANH PHONG Năm sinh: 1982 CCCD: 079082036735	T2-20.03	T2-20.03	Tháp T2	20/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	20	87.6	93.7	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	1/22/2021
2	1241	Bà PHẠM THANH HOA Năm sinh: 1987 Căn cước: 001187022893	T1-B10.05	T1-B10.05	Tháp T1	10/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	10	63.4	68	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	1/22/2021
3	001243	Ông ĐẶNG ĐÀO THANH LONG Năm sinh: 1970 CCCD: 080070003536 Bà PHẠM THANH HOA LAN Năm sinh: 1971 CCCD: 048171000438	T1-B12a.01	T1-B12a.01	Tháp T1	12a/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12a	62.3	67.2	Căn hộ ở	Sở hữu chung	1/22/2021
4	001246	Ông NGUYỄN ANH DŨNG Năm sinh: 1987 CCCD: 001087029010 Bà PHẠM PHƯƠNG LINH Năm sinh: 1989 CCCD: 001189014621	T1-B18.04	T1-B18.04	Tháp T1	18/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	18	63.4	68	Căn hộ ở	Sở hữu chung	1/22/2021
5	012671	Ông ĐẶNG THIÊN ĐƯỜNG Năm sinh: 1964 CCCD: 042064007209 Bà TRẦN THỊ NGỌC HOA Năm sinh: 1972 CCCD: 042172015124	T2-20.11	T2-20.11	Tháp T2	20/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	20	53.5	57.5	Căn hộ ở	Sở hữu chung	7/17/2020

Handwritten signature in blue ink.

6	012696	Ông LIN MENG HSUN Năm sinh: 1984 Quốc tịch : Trung Quốc (Đài Loan) Hộ chiếu : 360506978; Ngày cấp: 30/5/2022; Nơi cấp: Trung Quốc (Đài Loan)	T1-A15.10	T1-A15.10	Tháp T1	15/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	15	58.5	62.9	Căn hộ ở	Sở hữu chung	7/20/2020
7	12697	Bà LÊ THỊ KIM NGÂN Năm sinh: 1991 CCCD: 079191032558										
8	012703	Ông LA HỒNG HƯNG Năm sinh: 1987 CCCD: 089087026727	T1-A16.07	T1-A16.07	Tháp T1	16/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	16	56.1	60.7	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	7/20/2020
9	012705	Bà HOÀNG MAI YẾN Năm sinh: 1991 CCCD: 062191006769	T1-B21.13	T1-B21.13	Tháp T1	21/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	21	56	61.1	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	7/20/2020
10	012709	Ông NGUYỄN TIẾN THÀNH Năm sinh: 1979 CCCD: 091079000138	T1-A24.12	T1-A24.12	Tháp T1	24/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	24	86.6	93.5	Căn hộ ở	Sở hữu chung	7/20/2020
11	012711	Bà PHẠM THỊ TÚ UYÊN Năm sinh: 1986 CCCD: 079186008491										
12	012714	Ông NGUYỄN MẠNH HÒA Năm sinh: 1976 CCCD: 001076014647	T1-B20.05	T1-B20.05	Tháp T1	20/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	20	63.4	68	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	7/20/2020
13	012715	Ông PHẠM KIM LONG Năm sinh: 1986 CCCD : 079086003714	T1-B21.07	T1-B21.07	Tháp T1	21/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	21	63.9	68.5	Căn hộ ở	Sở hữu chung	7/20/2020
14	012716	Bà PHẠM THỊ XUÂN HÀ Năm sinh: 1986 CCCD: 046186000131										
15	012717	Ông TRẦN CHÍ BẢO Năm sinh: 1998 CCCD: 075098019623	T1-B24.05	T1-B24.05	Tháp T1	24/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	24	63.4	68	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	7/20/2020
16	012718	Ông PHAN TỬ VIỆT Năm sinh: 1950 CCCD: 079050002307	T1-B23.01	T1-B23.01	Tháp T1	23/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	23	62.3	67.2	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	7/20/2020
17	012719	Bà HOÀNG LÊ NHẬT QUỲNH Năm sinh: 1989 CCCD: 068189007566	T1-B24.04	T1-B24.04	Tháp T1	24/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	24	63.4	68	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	7/20/2020

15	012717	Ông PHẠM ĐÌNH NGỌC ANH Năm sinh: 1980 CCCD: 048080000568	T1-B24.11	T1-B24.11	Tháp T1	24/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	24	81.2	87.7	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	7/20/2020
16	012719	Ông PHẠM THANH PHONG Năm sinh: 1980 CCCD: 079080019965 Bà VÕ THỊ XUÂN THỦY Năm sinh: 1988 CCCD: 060188007454	T1-B24.12	T1-B24.12	Tháp T1	24/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	24	58.5	62.9	Căn hộ ở	Sở hữu chung	7/20/2020
17	012723	Ông NGUYỄN VĂN CỒN Năm sinh: 1957 CCCD: 079057000848 Bà NGUYỄN THỊ THUY Năm sinh: 1959 CCCD: 049159005986	T1-A18.12	T1-A18.12	Tháp T1	18/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	18	86.6	93.5	Căn hộ ở	Sở hữu chung	7/20/2020
18	012725	Bà TRẦN THỊ THÙY TRANG Năm sinh: 1990 CCCD: 087190002156	T1-A15.08	T1-A15.08	Tháp T1	15/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	15	58.3	62.8	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	7/20/2020
19	012730	Ông LÊ TRỊNH BẢO ANH Năm sinh: 1991 CCCD: 079091017552 Bà PHAN KIM NGUYỆT Năm sinh: 1994 CCCD: 087194004223	T1-A23.11	T1-A23.11	Tháp T1	23/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	23	86.6	93.5	Căn hộ ở	Sở hữu chung	7/20/2020
20	012738	Bà HÁN THỊ BÌNH Năm sinh: 1984 CCCD: 0251 8400 1586	T1-B19.03	T1-B19.03	Tháp T1	19/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	19	56.9	61.6	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	7/20/2020
21	012850	Ông TRẦN TRỌNG TUẤN Năm sinh: 1979 CCCD: 079079032534 Bà NGUYỄN THỊ THU THỦY Năm sinh: 1979 CCCD: 079179009420	T2-22.12	T2-22.12	Tháp T2	22/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	22	62.7	68	Căn hộ ở	Sở hữu chung	7/22/2020
22	012854	Ông TRƯƠNG LẬP CHIẾN Năm sinh: 1982 Căn cước: 079082015288 Bà TRỊNH THÁI HẢ Năm sinh: 1982 CCCD: 079182013036	T2-23.09	T2-23.09	Tháp T2	23/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	23	53.5	57.8	Căn hộ ở	Sở hữu chung	7/22/2020
23	012858	Ông NGUYỄN HẢI LONG Năm sinh: 1989 CCCD: 026089011716 Bà NGUYỄN HẢI THU Năm sinh: 1990 CCCD: 001190004574	T2-24.07	T2-24.07	Tháp T2	24/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	24	67.8	73.1	Căn hộ ở	Sở hữu chung	7/22/2020

44

(Signature)

24	012859	Bà TRẦN THỊ KIM CHI Năm sinh: 1976 CCCD: 079176003813	T2-24.10	T2-24.10	Tháp T2 + sân thượng + mái che thang	24	86	92.7	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	7/22/2020
25	012861	Ông LÊ VIỆT CHIẾN Năm sinh: 1990 CCCD: 049090013265	T2-24.14	T2-24.14	Tháp T2 + sân thượng + mái che thang	24	46.2	49.6	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	7/22/2020
26	012862	Bà BÙI LÊ NGỌC TRANG Năm sinh: 1989 CCCD: 079189000463	T2-24.17	T2-24.17	Tháp T2 + sân thượng + mái che thang	24	59.2	63.5	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	7/22/2020
27	012864	Ông LIN MENG-HSUN Năm sinh: 1984 Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan) Hộ chiếu số: 360506978; Ngày cấp: 30/5/2022; Nơi cấp: Trung Quốc (Đài Loan)	T2-11.06	T2-11.06	Tháp T2 + sân thượng + mái che thang	11	82.1	88.6	Căn hộ ở	Sở hữu chung	7/22/2020
28	012865	Bà LÊ THỊ KIM NGÂN Năm sinh: 1991 CCCD: 079191032558	T2-11.10	T2-11.10	Tháp T2 + sân thượng + mái che thang	11	85.9	92.6	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	7/22/2020
29	012866	Ông LEE WING LOK RAYMOND Năm sinh: 1981 Quốc tịch: Hồng Kông Hộ chiếu số: KJ0779961; Ngày cấp: 03/4/2019; Nơi cấp: Hồng Kông - Trung Quốc	T2-12b.12	T2-12b.12	Tháp T2 + sân thượng + mái che thang	12b	62.7	68	Căn hộ ở	Sở hữu chung	7/22/2020
30	012867	Bà LÊ THỊ HƯƠNG GIANG Năm sinh: 1987 CCCD: 033187003668	T2-16.06	T2-16.06	Tháp T2 + sân thượng + mái che thang	16	82.1	88.6	Căn hộ ở	Sở hữu chung	7/22/2020
31	012868	Ông PHẠM NGUYỄN ANH MINH Năm sinh: 1983 CCCD: 051083010565	T2-16.09	T2-16.09	Tháp T2 + sân thượng + mái che thang	16	53.5	57.8	Căn hộ ở	Sở hữu chung	7/22/2020

32	012872	Bà ĐẠNG THỊ THẢO NGUYỄN Năm sinh: 1980 CCCD: 092180014287	T2-17.17	T2-17.17	Tháp T2	17/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	17	59.1	63.5	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	7/22/2020
33	012875	Ông TRẦN ANH TIẾN Năm sinh: 1986 CCCD: 031086006572	T2-20.05	T2-20.05	Tháp T2	20/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	20	56.8	61.1	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	7/22/2020
34	012879	Ông TRẦN NGỌC LUẬN Năm sinh: 1958 CCCD: 068058000024 Bà NGUYỄN THỊ VỆ Năm sinh: 1959 CCCD: 079159020310	T2-22.01	T2-22.01	Tháp T2	22/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	22	60.4	65.4	Căn hộ ở	Sở hữu chung	7/22/2020
35	012882	Ông NGUYỄN CÔNG BẰNG Năm sinh: 1981 Căn cước: 087081017057 Bà ĐỖ THỊ BẢO NGỌC Năm sinh: 1984 Căn cước: 079184037128	T2-23.07	T2-23.07	Tháp T2	23/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	23	67.8	73.1	Căn hộ ở	Sở hữu chung	7/22/2020
36	012887	Ông TRẦN ANH TIẾN Năm sinh: 1986 CCCD: 031086006572	T2-24.15	T2-24.15	Tháp T2	24/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	24	86.2	93.6	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	7/22/2020
37	012888	Bà VŨ THỊ HUỖN TRANG Năm sinh: 1994 CCCD: 056194010042	T2-24.16	T2-24.16	Tháp T2	24/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	24	80.5	87.2	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	7/22/2020
38	015642	Ông LƯƠNG BÉ Năm sinh: 1982 CCCD: 079082024603 Bà LƯƠNG MỸ NGỌC Năm sinh: 1982 CCCD: 079182019752	T1-A17.01	T1-A17.01	Tháp T1	17/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	17	62.8	67.2	Căn hộ ở	Sở hữu chung	9/10/2020
39	015644	Ông VŨ VĂN TOÀN Năm sinh: 1981 CCCD: 001081029872 Bà LÊ THU HOÀI Năm sinh: 1981 CCCD: 022181012475	T1-A17.12	T1-A17.12	Tháp T1	17/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	17	86.6	93.5	Căn hộ ở	Sở hữu chung	9/10/2020
40	015645	Bà TRẦN THỊ KIM NGÂN Năm sinh: 1959 CCCD: 079159030393	T1-A17.13	T1-A17.13	Tháp T1	17/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	17	58.9	63.1	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	9/10/2020
41	015648	Ông LÂM ANH VŨ Năm sinh: 1985 CCCD: 079085015312	T1-B12.11	T1-B12.11	Tháp T1	12/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12	81.3	87.7	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	9/10/2020

44

me

42	015649	Ông ĐẠO THANH TÂN Năm sinh: 1972 CCCD: 05807200035 Bà THÀNH THÚY DĂNG Năm sinh: 1975 CCCD: 05817500038	T1-B11.01	T1-B11.01	Tháp T1 + sân thượng + mái che thang	11	62.3	67.2	Căn hộ ở	Sở hữu chung	9/10/2020
43	015652	Ông ĐỖ QUỐC VIỆT Năm sinh: 1978 CCCD: 037078006717 Bà THAI THỊ THÙY HƯƠNG Năm sinh: 1982 CCCD: 031182023816	T1-B12b.07	T1-B12b.07	Tháp T1 + sân thượng + mái che thang	12b	63.9	68.5	Căn hộ ở	Sở hữu chung	9/10/2020
44	015654	Bà TRẦN NGỌC THANH Năm sinh: 1990 CCCD: 075190003724	T1-B16.03	T1-B16.03	Tháp T1 + sân thượng + mái che thang	16	56.9	61.6	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	9/10/2020
45	015655	Ông TRẦN HOÀNG TRIỆU VỸ Năm sinh: 1968 CCCD: 083068000062	T1-B16.05	T1-B16.05	Tháp T1 + sân thượng + mái che thang	16	63.4	68	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	9/10/2020
46	015656	Bà TRẦN THANH UYÊN Năm sinh: 1986 CCCD: 001186025963	T1-B12.13	T1-B12.13	Tháp T1 + sân thượng + mái che thang	12	56	61.1	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	9/10/2020
47	015660	Bà NGUYỄN THU NGÀ Năm sinh: 1988 CCCD: 001188011329	T1-A19.10	T1-A19.10	Tháp T1 + sân thượng + mái che thang	19	58.5	62.9	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	9/10/2020
48	015663	Ông LÊ DẶNG VĂN Năm sinh: 1993 CCCD: 079093014944 Bà PHẠM MINH THÙY TRANG Năm sinh: 1995 CCCD: 079195017757	T1-A20.09	T1-A20.09	Tháp T1 + sân thượng + mái che thang	20	56.7	61.1	Căn hộ ở	Sở hữu chung	9/10/2020
49	015664	Ông TRƯƠNG DẶNG QUANG Năm sinh: 1989 CCCD: 060089011713 Bà TRỊNH THỊ KIM HUỆ Năm sinh: 1989 CCCD: 051189000105	T1-A21.07	T1-A21.07	Tháp T1 + sân thượng + mái che thang	21	56.1	60.7	Căn hộ ở	Sở hữu chung	9/10/2020
50	015666	Bà LƯU THỊ HUỆ Năm sinh: 1951 Căn cước: 079151003579	T1-A24.07	T1-A24.07	Tháp T1 + sân thượng + mái che thang	24	56.1	60.7	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	9/10/2020
51	015668	Ông PHẠM TRỌNG QUỐC HƯNG Năm sinh: 1987 CCCD: 060087007018 Bà TRẦN THỊ HẢI YẾN Năm sinh: 1987 CCCD: 042187004856	T1-B20.09	T1-B20.09	Tháp T1 + sân thượng + mái che thang	20	63.5	68	Căn hộ ở	Sở hữu chung	9/10/2020

52	015674	Bà TRẦN THỊ THU' Năm sinh: 1991 CCCD: 092191012158	T1-B22.06	T1-B22.06	Tháp T1	22/24 Tầng + hầm che thang	22	70.9	76.1	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	9/10/2020
53	015676	Ông NGUYỄN HỒNG SƠN Năm sinh: 1983 CCCD: 001083051201 Bà CAO BÍCH PHƯƠNG Năm sinh: 1989 CCCD: 077189004434	T1-A19.02	T1-A19.02	Tháp T1	19/24 Tầng + hầm che thang	19	63.2	68	Căn hộ ở	Sở hữu chung	9/10/2020
54	015677	Bà VŨ THỊ THANH THỦY Năm sinh: 1986 CCCD: 037186001300	T1-A19.04	T1-A19.04	Tháp T1	19/24 Tầng + hầm che thang	19	56.5	61.1	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	9/10/2020
55	015680	Ông LÊ HOÀI NAM Năm sinh: 1980 CCCD: 079080007756 Bà NGUYỄN THỦY NGÂN Năm sinh: 1990 CCCD: 083190000629	T1-A24.04	T1-A24.04	Tháp T1	24/24 Tầng + hầm che thang	24	56.5	61.1	Căn hộ ở	Sở hữu chung	9/10/2020
56	015681	Ông LÝ BẢO TỬ Năm sinh: 1988 CCCD: 082088000142 Bà NGÔ THỊ THỦY KIỀU Năm sinh: 1989 CCCD: 082189000266	T1-B11.08	T1-B11.08	Tháp T1	11/24 Tầng + hầm che thang	11	62.4	67.6	Căn hộ ở	Sở hữu chung	9/10/2020
57	015688	Ông PHẠM VĂN KHA Năm sinh: 1982 CCCD: 031082023912 Bà BUI THỊ KIỀU TRANG Năm sinh: 1990 CCCD: 049190018708	T1-B17.02	T1-B17.02	Tháp T1	17/24 Tầng + hầm che thang	17	63.3	68	Căn hộ ở	Sở hữu chung	9/10/2020
58	015689	Ông NGUYỄN THÀNH NAM Năm sinh: 1977 CCCD: 052077021126 Bà LẠI THỊ NGỌC THU' Năm sinh: 1984 Căn Cước: 079184012763	T1-B19.04	T1-B19.04	Tháp T1	19/24 Tầng + hầm che thang	19	63.4	68	Căn hộ ở	Sở hữu chung	9/10/2020
59	021692	Bà PHẠM THỊ NGỌC THANH Năm sinh: 1982 CCCD: 024182000872	T1-B15.03	T1-B15.03	Tháp T1	15/24 Tầng + hầm che thang	15	56.9	61.6	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	11/27/2020

Handwritten signature

Handwritten signature

60	021699	Ông PARK JONGCHEON Năm sinh: 1979 Quốc tịch: Hàn Quốc Hộ chiếu: M899B3763; Ngày cấp: 17/3/2022; Nơi cấp: Hàn Quốc	T1-B18.06	T1-B18.06	Tháp T1	18/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	18	70.9	76.1	Căn hộ ở	Số hữu chung	11/27/2020
		Bà THÁI THANH HÀ Năm sinh: 1986 CCCD: 079186026587										
61	021700	Ông CHƯƠNG DẪNH SÔI Năm sinh: 1987 CCCD: 075087022941 Bà HÀ LÂM PHƯƠNG Năm sinh: 1990 CCCD: 079190025863	T1-B22.13	T1-B22.13	Tháp T1	22/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	22	56	61.1	Căn hộ ở	Số hữu chung	11/27/2020
62	021701	Bà VŨ THỊ THANH THÙY Năm sinh: 1986 CCCD: 037186001300	T1-B19.07	T1-B19.07	Tháp T1	19/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	19	63.9	68.5	Căn hộ ở	Số hữu riêng	11/27/2020
63	021704	Ông CHU DUY SỸ Năm sinh: 1954 CCCD: 033054001612 Bà ĐOÀN THỊ HIỀN Năm sinh: 1955 CCCD: 033155002065	T1-B23.08	T1-B23.08	Tháp T1	23/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	23	62.4	67.6	Căn hộ ở	Số hữu chung	11/27/2020
64	021706	Ông NGUYỄN XUÂN ĐIỆN Năm sinh: 1985 CCCD: 084085014948 Bà TRẦN THỊ HỒNG THO Năm sinh: 1986 CCCD: 084186000232	T1-A09.06	T1-A09.06	Tháp T1	09/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	9	56.7	61.1	Căn hộ ở	Số hữu chung	11/27/2020
65	021708	Ông NGUYỄN NGỌC TRI Năm sinh: 1962 CCCD: 082062000221 Bà PHẠM THỊ VĂN ANH Năm sinh: 1969 CCCD: 037169001631	T1-A12.05	T1-A12.05	Tháp T1	12/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12	56.4	61.1	Căn hộ ở	Số hữu chung	11/27/2020
66	021711	Ông PHẠM VĂN DANH Năm sinh: 1990 CCCD: 072090005194 Bà TRẦN THỊ NGOC THÚY Năm sinh: 1991 CCCD: 068191009698	T1-B24.13	T1-B24.13	Tháp T1	24/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	24	56	61.1	Căn hộ ở	Số hữu chung	11/27/2020

67	021724	Ông RAFAQAT BASHIR Năm sinh: 1977 Quốc tịch: PAKISTAN Hộ chiếu: BT3842373; Ngày cấp: 14/10/2020; Nơi cấp: Pakistan Bà TRẦN THỊ HUỆ PHƯƠNG Năm sinh: 1979 CCCD: 080179000267	T1-A24.02	T1-A24.02	Tháp T1	24/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	24	63.2	68	Căn hộ ở	Sở hữu chung	11/27/2020
68	021725	Ông GUILLAUME CLAUDE ANDRÉ SCHMID Năm sinh: 1971 Quốc tịch: Pháp Hộ chiếu: 14CV73459; Ngày cấp: 27/8/2014; Nơi cấp: Pháp Bà VŨ THỊ MỘNG HIỀN Năm sinh: 1972 Quốc tịch: Việt Nam Hộ chiếu: N1642179; Ngày cấp: 10/4/2013; Nơi cấp: Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp	T1-B22.10	T1-B22.10	Tháp T1	22/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	22	77.7	84.2	Căn hộ ở	Sở hữu chung	11/27/2020
69	023178	Ông HUỖNH KHÁNH HIỆP Năm sinh: 1988 CCCD: 082088008376	T2-18.12	T2-18.12	Tháp T2	18/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	18	62.7	68	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	12/14/2020
70	023179	Bà NGUYỄN THỊ CẨM VÂN Năm sinh: 1989 CCCD: 046189008158	T2-12a.05	T2-12a.05	Tháp T2	12a/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12a	56.8	61.1	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	12/14/2020
71	023188	Ông TRẦN TIẾN DŨNG Năm sinh: 1979 CCCD: 072079004195 Bà NGUYỄN NGỌC BÍCH Năm sinh: 1981 CCCD: 079181004737	T2-18.03	T2-18.03	Tháp T2	18/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	18	87.6	93.7	Căn hộ ở	Sở hữu chung	12/14/2020
72	023190	Ông PHAN DUY PHƯỚC Năm sinh: 1962 CCCD: 046062009046 Bà PHẠM THỊ MAI Năm sinh: 1964 CCCD: 087164002235	T2-12a.07	T2-12a.07	Tháp T2	12a/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12a	67.8	73.1	Căn hộ ở	Sở hữu chung	12/14/2020
73	023196	Ông TRẦN HUỖNH QUANG TUYẾN Năm sinh: 1978 CCCD: 079078017733 Bà PHẠM THỊ CẨM THY Năm sinh: 1989 CCCD: 082189002155	T2-12a.02	T2-12a.02	Tháp T2	12a/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12a	60.7	65.8	Căn hộ ở	Sở hữu chung	12/14/2020

74	023197	Ông UÔNG NHẬT KHOA Năm sinh: 1981 CCCD: 068081000942 Bà TRẦN THỊ HÀ ANH Năm sinh: 1991 CCCD: 068191000054	T2-20.08	T2-20.08	Tháp T2	20/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	20	53.8	57.8	Căn hộ ở	Số hữu chung	12/14/2020
75	023198	Ông NGUYỄN VĂN LÂN Năm sinh: 1976 CCCD: 046076000096 Bà VÕ THỊ KIỆU Năm sinh: 1984 Căn cước: 049184000086	T2-19.09	T2-19.09	Tháp T2	19/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	19	53.5	57.8	Căn hộ ở	Số hữu chung	12/14/2020
76	023200	Ông BÙI MINH LONG Năm sinh: 1988 CCCD: 001088017265 Bà NGUYỄN THANH TRÀ Năm sinh: 1989 CCCD: 001189029965	T2-21.12	T2-21.12	Tháp T2	21/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	21	62.7	68	Căn hộ ở	Số hữu chung	12/14/2020
77	023201	Ông PHẠM THẾ ANH Năm sinh: 1981 CCCD: 034081021257 Bà TRẦN THUY VÂN LAM Năm sinh: 1981 CCCD: 074181000579	T2-21.01	T2-21.01	Tháp T2	21/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	21	60.4	65.4	Căn hộ ở	Số hữu chung	12/14/2020
78	023202	Bà BÙI THỊ MỸ TÂM Năm sinh: 1987 CCCD: 079187016077	T2-12a.12	T2-12a.12	Tháp T2	12a/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12A	62.7	68	Căn hộ ở	Số hữu riêng	12/14/2020
79	023204	Ông NGUYỄN THÀNH TRUNG Năm sinh: 1985 CCCD: 049085000267 Bà HUYỀN THỊ THU THỦY Năm sinh: 1986 CCCD: 056186000236	T2-21.05	T2-21.05	Tháp T2	21/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	21	56.8	61.1	Căn hộ ở	Số hữu chung	12/14/2020
80	023205	Ông HUYỀN NAM GIANG Năm sinh: 1976 CCCD: 054076000050	T2-24.09	T2-24.09	Tháp T2	24/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	24	53.7	57.8	Căn hộ ở	Số hữu riêng	12/14/2020
81	023207	Ông HÀ CAO SON Năm sinh: 1995 CCCD: 075095005192 Bà NGUYỄN HUYỀN DUNG ANH Năm sinh: 1996 CCCD: 079196015098	T2-19.13	T2-19.13	Tháp T2	19/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	19	63.1	68	Căn hộ ở	Số hữu chung	12/14/2020
82	023210	Ông PHAN VŨ MINH TRƯỜNG Năm sinh: 1990 CCCD: 079090032728	T2-19.02	T2-19.02	Tháp T2	19/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	19	60.7	65.8	Căn hộ ở	Số hữu riêng	12/14/2020

83	23214	Ông NGUYỄN ĐẠNG THANH DUY Năm sinh: 1981 CCCD: 079081028528 Bà T.À. THỊ ANH THÚ Năm sinh: 1982 CCCD: 031182022579	T2-15.17	T2-15.17	Tháp T2	15/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	15	59.1	63.5	Căn hộ ở	Sở hữu chung	12/14/2020
84	023215	Ông LÊ MINH HIẾU Năm sinh: 1986 CCCD: 083086007137	T2-12b.02	T2-12b.02	Tháp T2	12b/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12B	60.7	65.8	Căn hộ ở	Sở hữu chung	12/14/2020
85	023222	Bà LÊ THỊ HỒNG THẨM Năm sinh: 1984 CCCD: 075184008937	T2-22.09	T2-22.09	Tháp T2	22/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	22	53.5	57.8	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	12/14/2020
86	21720	Ông LÊ NHẬT THANH Năm sinh: 1982 CCCD: 079082005149	T1-A22.07	T1-A22.07	Tháp T1	22/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	22	56.1	60.7	Căn hộ ở	Sở hữu riêng	11/27/2020

Handwritten signature in blue ink.

